

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DSST

Ngày: 14-11-2023

*“V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO**

TDnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh và ông Trần Tiến Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E: Ông Ksor Y Ksor – Kiểm sát viên.

Ngày 14/10/2023 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 8B, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 8B, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Văn N trình bày:

Năm 2017 ông T, bà D có mua vật liệu xây dựng của ông N để làm nhà và nợ lại tiền mua vật liệu. Sau nhiều lần ông N yêu cầu trả nợ thì vợ chồng ông T chưa trả được nên ông N và ông T, bà D có tính toán lại với nhau và có lập giấy vay mượn tiền với nội dung: Ngày 30/12/2020 âm lịch vợ chồng ông T, bà D có vay số tiền 230.500.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng và vay thêm 44.700.000 đồng, không tính lãi. Hai bên T thuận thời hạn trả là 30/12/2021 âm lịch. Đến thời hạn như T thuận trên vợ chồng ông T, bà D không trả được cho tôi như đã T thuận nên tôi khởi kiện yêu cầu ông T, bà D trả cho tôi số tiền 230.500.000 đồng. Quá trình vay từ năm 2020 cho đến nay ông T, bà D trả được 5.000.000 đồng tiền lãi nên tôi đồng ý khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng này, lãi suất tính từ ngày vay đến ngày 30/9/2023 là 114.097.500 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày

01/10/2023 cho đến khi vợ chồng ông T trả toàn bộ số nợ. Ngoài ra yêu cầu ông T, bà D trả số tiền gốc 44.700.000 đồng tiền vay sau và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Nhật T trình bày:

Năm 2017 vợ chồng tôi có mua vật liệu xây dựng của ông N và có nợ lại tiền. Sau nhiều lần không trả được ông N và vợ chồng tôi có tính toán lại với nhau và có lập giấy vay mượn tiền với nội dung: Ngày 30/12/2020 âm lịch vợ chồng ông T, bà D có vay số tiền 230.500.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng và vay thêm 44.700.000 đồng, không tính lãi. Hai bên T thuận thời hạn trả là 30/12/2021 âm lịch. Số tiền vay này quá trình nợ vợ chồng tôi đã trả được số tiền lãi khoảng 50.000.000 đồng nhưng hiện nay ông N chỉ thừa nhận vợ chồng tôi đã trả được 5.000.000 đồng chúng tôi cũng chấp nhận.

Hiện nay, ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền 230.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất kể từ ngày vay đến ngày 30/9/2023 là 114.097.500 đồng và lãi suất kể từ ngày 01/10/2023 cho đến khi trả hết số nợ gốc này và số tiền nợ gốc 44.700.000 đồng vợ chồng tôi có ý kiến như sau: Chúng tôi đồng ý có nợ và chấp nhận trả dần số gốc là 230.500.000 đồng + 44.700.000 đồng = 275.200.000 đồng trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ. Về lãi suất chúng tôi xin ông N toàn bộ số lãi vì chúng tôi không có khả năng trả số lãi này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D cơ bản thống nhất với lời trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh thu thập của Tòa án. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông T, bà D phải trả cho ông N số tiền vay là 275.200.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện E xác định là đây là quan hệ *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* và thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung:

[1]. Năm 2017 vợ chồng ông T có mua vật liệu xây dựng của ông N và nợ lại. Ngày 30/12/2020 âm lịch hai bên thống lập giấy vay mượn tiền với nội dung: Vợ chồng ông T, bà D có vay số tiền 230.500.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng và ông T, bà D vay thêm 44.700.000 đồng, không tính lãi. Hai bên T thuận thời hạn trả là 30/12/2021 âm lịch. Đến thời hạn như T thuận vợ chồng ông T, bà D không trả được. Ông N khởi kiện yêu cầu ông T, bà D trả cho ông N tổng số tiền 275.200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đối với số tiền 230.500.000 đồng/1,5%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày 30/12/2020 âm lịch (ngày 11/02/2021 dương lịch) cho đến khi vợ chồng ông T trả toàn bộ số nợ. Quá trình vay ông T và bà D trả được 5.000.000 đồng nên ông N đồng ý khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng này vào tiền lãi.

[2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của ông N yêu cầu ông T, bà D trả số tiền vay là 275.200.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T, bà D đều thừa nhận có ký nhận vào giấy vay tiền ngày 30/12/2020 âm lịch và thừa nhận nợ ông N tổng số tiền là 275.200.000 đồng. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh.

[3]. Việc các bên xác lập quan hệ vay tài sản giữa ông N và ông T, bà D là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 117; Điều 118; Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên công nhận việc vay tài sản giữa ông N và ông T, bà D là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông T, bà D nợ ông N số tiền 275.200.000 đồng là có thật. Nay ông T, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N. Vì vậy, cần buộc ông T, bà D có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền là 275.200.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận vào 30/12/2020 âm lịch ông N và ông T, bà D thống lập giấy vay mượn tiền với nội dung: Vợ chồng ông T, bà D có vay số tiền 230.500.000 đồng, lãi suất là

1,5%/tháng và ông T, nhận thấy T thuận về lãi trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/12/2020 âm lịch (ngày 11/02/2021 dương lịch) trên số tiền còn nợ là 230.500.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Cụ thể như sau: Tính lãi suất từ ngày 11/02/2021 đến ngày xét xử ngày 14/11/2023 là 02 năm 9 tháng 02 ngày.

$230.500.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times (02 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 02 \text{ ngày}) = 114.328.000 \text{ đồng}.$

Hiện ông T, bà D đã trả được 5.000.000 tiền lãi nên cần buộc ông T, bà D trả cho ông N 109.328.000 đồng tiền lãi suất.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngọ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần buộc ông T và bà D phải trả cho ông N tổng cộng là 384.528.000 đồng. Trong nợ gốc là 275.200.000 đồng và nợ lãi suất là 109.328.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T, bà D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 244 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 117; 118; 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn N. Buộc ông Nguyễn Nhật T và bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Ngô Văn N số tiền 384.528.000 đồng (*Ba trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Dnh án của người được thi Dnh án cho đến khi thi Dnh án xong tất cả các khoản tiền, Dng tháng người phải thi Dnh án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi Dnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Nhật T và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 19.226.400 đồng.

Trả lại cho ông Ngô Văn N số tiền 9.732.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi Dnh án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số: AA/2021/0011675, ngày 06 tháng 10 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi Dnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Dnh án dân sự, thì người được thi Dnh án dân sự, người phải thi Dnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Dnh án, quyền yêu cầu thi Dnh án, tự nguyện thi Dnh án hoặc bị cưỡng chế thi Dnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Dnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện E;
- Thi Dnh án huyện E;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường